



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQGHN**  
**KHOA TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

**MÔN KINH TẾ HỌC TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG**

**BÀI 11**  
**LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS – LM**

**GVGD: TS. Trần Thị Vân Anh**



# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## YÊU CẦU CHUNG

1. Các lý thuyết về cầu tiền tệ
2. Xác định lượng cầu tiền
3. Xây dựng mô hình IS-LM



# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## LÝ THUYẾT VỀ CẦU TIỀN TỆ

1. Lãi suất không ảnh hưởng cầu tiền
  - Học thuyết số lượng tiền tệ
  - Trường phái Cambrige (Anh)
2. Lãi suất ảnh hưởng mạnh cầu tiền
  - Thuyết ưa thích tiền mặt của Keynes
  - Học thuyết số lượng tiền tệ của Friedman

# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## HỌC THUYẾT SỐ LƯỢNG TIỀN TỆ

1. Irving Fisher, Alfred Marshall & A. C Pigon ...
2. Thời gian: trong thế kỷ 19 & đầu 20
3. Nội dung
  - Cầu tiền tệ là một hàm số của thu nhập & không chịu ảnh hưởng của lãi suất
  - Công thức:  $M = (1/V)PY$ 
    - **M** là số lượng tiền tệ
    - **V** là tốc độ chu chuyển của tiền
    - **Y** là tổng sản phẩm
    - **P** là mức giá cả
    - **PY**: Tổng thu nhập danh nghĩa

# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## HỌC THUYẾT SỐ LƯỢNG TIỀN TỆ

4.  $V$  không đổi  $\rightarrow 1/V = k = \text{hằng số}$

Khi thị trường tiền tệ cân bằng thì số lượng tiền tệ được nắm giữ bằng số lượng tiền được yêu cầu

$$M = M^d = k \times PY$$

$k$  là hằng số  $\rightarrow$  lượng cầu tiền ( $M^d$ ) do tổng thu nhập danh nghĩa ( $PY$ ) quyết định  $\rightarrow$  Lượng cầu tiền không bị ảnh hưởng bởi lãi suất

# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## HỌC THUYẾT SỐ LƯỢNG TIỀN TỆ

### 5. Cơ sở học thuyết:

- Người dân giữ tiền chỉ để tiến hành giao dịch và không được tự do sử dụng số tiền họ muốn nắm giữ
- Cầu tiền được xác định bởi:
  - Mức các giao dịch phát sinh do PY
  - Các tổ chức có ảnh hưởng tới cách thức người dân tiến hành các giao dịch → có khả năng quyết định k

# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## TRƯỜNG PHÁI CAMBRIDGE

1. Sử dụng công thức tính lượng cầu tiền như Irving Fisher:  $M^d = k \cdot PY$
2. Cá nhân có thể quyết định giữ tiền, không bị ràng buộc vào các hạn chế về thể chế → không bác bỏ hoàn toàn vai trò của lãi suất.
3. Có 2 thuộc tính thúc đẩy ý muốn giữ tiền
  - Tiền là một phương tiện thanh toán
  - Tiền là một phương tiện cất trữ



# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## SO SÁNH HAI TRƯỜNG PHÁI

1. Cùng phát triển cách tiếp cận cổ điển về cầu tiền tệ theo đó cầu tiền tệ tỷ lệ với thu nhập
2. Cách tiếp cận khác nhau
  - a) Fisher nhấn mạnh các nhân tố kỹ thuật, bác bỏ ảnh hưởng của lãi suất
  - b) Phái Cambridge nhấn mạnh sự lựa chọn của cá nhân, không bác bỏ ảnh hưởng của lãi suất





# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## THUYẾT ƯA THÍCH TIỀN MẶT (J. M. KEYNES)

1. Nhấn mạnh vai trò lãi suất trong việc xác định cầu tiền tệ
2. 3 động cơ giữ tiền
  - a) Động cơ giao dịch
  - b) Động cơ dự phòng
  - c) Động cơ tài sản/dầu cơ

# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## GIẢI THÍCH 3 ĐỘNG CƠ GIỮ TIỀN

### a) Động cơ giao dịch:

- Chi phí cơ hội giữ tiền mặt là tiền lãi thu được từ những tài sản khác
- Khi lãi suất tăng, chi phí cơ hội của việc giữ tiền tăng → Cầu tiền cho động cơ giao dịch giảm
- Cầu tiền cho động cơ giao dịch tỷ lệ nghịch với lãi suất, tỷ lệ thuận với thu nhập

# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## GIẢI THÍCH 3 ĐỘNG CƠ GIỮ TIỀN

### b) Động cơ dự phòng:

- Khi lãi suất tăng, chi phí cơ hội của việc dự phòng tiền tăng → Cầu tiền cho động cơ dự phòng giảm
- Cầu tiền cho động cơ dự phòng tỷ lệ nghịch với lãi suất và tỷ lệ thuận với thu nhập.

# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## GIẢI THÍCH 3 ĐỘNG CƠ GIỮ TIỀN

### c) Động cơ đầu cơ:

- Tài sản: Tiền và trái phiếu
- Do không thích rủi ro nên dân chúng thích giữ tiền
- Cầu tiền cho động cơ đầu cơ tỷ lệ nghịch với lãi suất và tỷ lệ thuận với thu nhập

# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## THUYẾT ƯA THÍCH TIỀN MẶT (J. M. KEYNES)

### 3. Phương trình hàm cầu tiền:

$$\frac{M^d}{P} = f(i, Y)$$

Cầu tiền có quan hệ tỷ lệ nghịch với lãi suất và tỷ lệ thuận với thu nhập.

# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## HỌC THUYẾT SỐ LƯỢNG TIỀN TỆ M. FRIEDMAN

### 1. Nội dung:

- Cách tiếp cận tương tự Keynes & các nhà kinh tế học cổ điển, nhưng không chú trọng động cơ giữ tiền
- Áp dụng thuyết lượng cầu tài sản
- Thay đổi của lãi suất ít tác dụng tới cầu tiền tệ
- Hàm số cầu tiền ổn định theo thời gian

# Học thuyết về lượng cầu tiền tệ của Friedman

$$\frac{M^d}{P} = f(Y_p, r_b - r_m, r_e - r_m, \pi^e - r_m)$$

$\frac{M^d}{P}$  : = Hàm cầu tiền, trong đó

$Y_p$  : là thu nhập thường xuyên

$r_b$  : lợi tức dự tính của trái phiếu

$r_m$  : lợi tức dự tính của tiền mặt

$r_e$  : lợi tức dự tính của cổ phiếu

$\pi^e$  : lạm phát dự tính

$Y_p (+)$  ;  $r_b - r_m (-)$  ;  $r_e - r_m (-)$  ;  $\pi^e - r_m (-)$



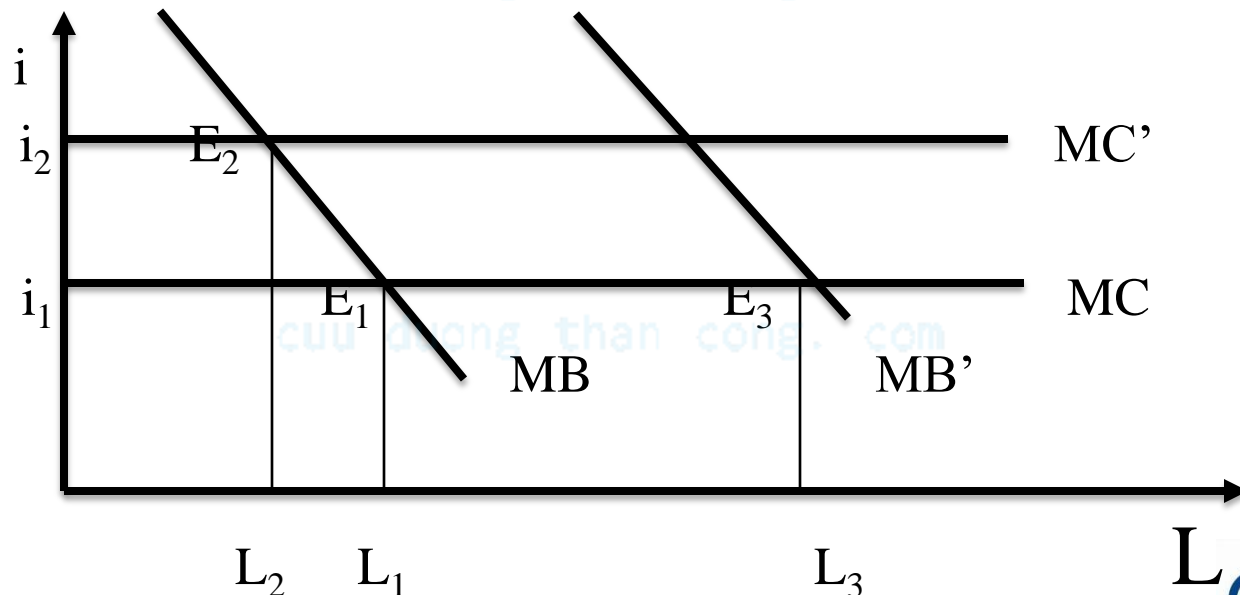
# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## XÁC ĐỊNH LƯỢNG CẦU TIỀN

1. Cầu tiền là lượng tiền tệ mà dân chúng, doanh nghiệp cần nắm giữ để phục vụ các mục tiêu giao dịch, dự phòng hoặc cất giữ tài sản.
2. Lợi ích của việc giữ tiền là từ các động cơ giữ tiền
3. Chi phí cơ hội của việc giữ tiền là khoản lợi tức bị mất đi khi giữ tiền mà không phải là các tài sản sinh lời khác và sự mất giá của tiền do lạm phát.
4. Giữ tiền khi lợi ích biên = chi phí biên

# XÁC ĐỊNH LƯỢNG CẦU TIỀN

1. Căn cứ  $\rightarrow$  chi phí biên (MC) = lợi ích biên (MB) của việc giữ tiền
2. Đồ thị



(khối lượng tiền thực tế được giữ)

# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## MÔ HÌNH IS-LM

1. **Khái niệm:** Mô hình IS-LM giải thích cách xác định lãi suất và tổng sản phẩm sản xuất trong nền kinh tế với một mức giá đã cho, ảnh hưởng của CSTT và CSTK tới các hoạt động kinh tế

2. **Nội dung:**

- a) Đồ hình chéo của Keynes
- b) Xây dựng mô hình IS-LM

# TIÊU DÙNG VÀ HÀM TIÊU DÙNG

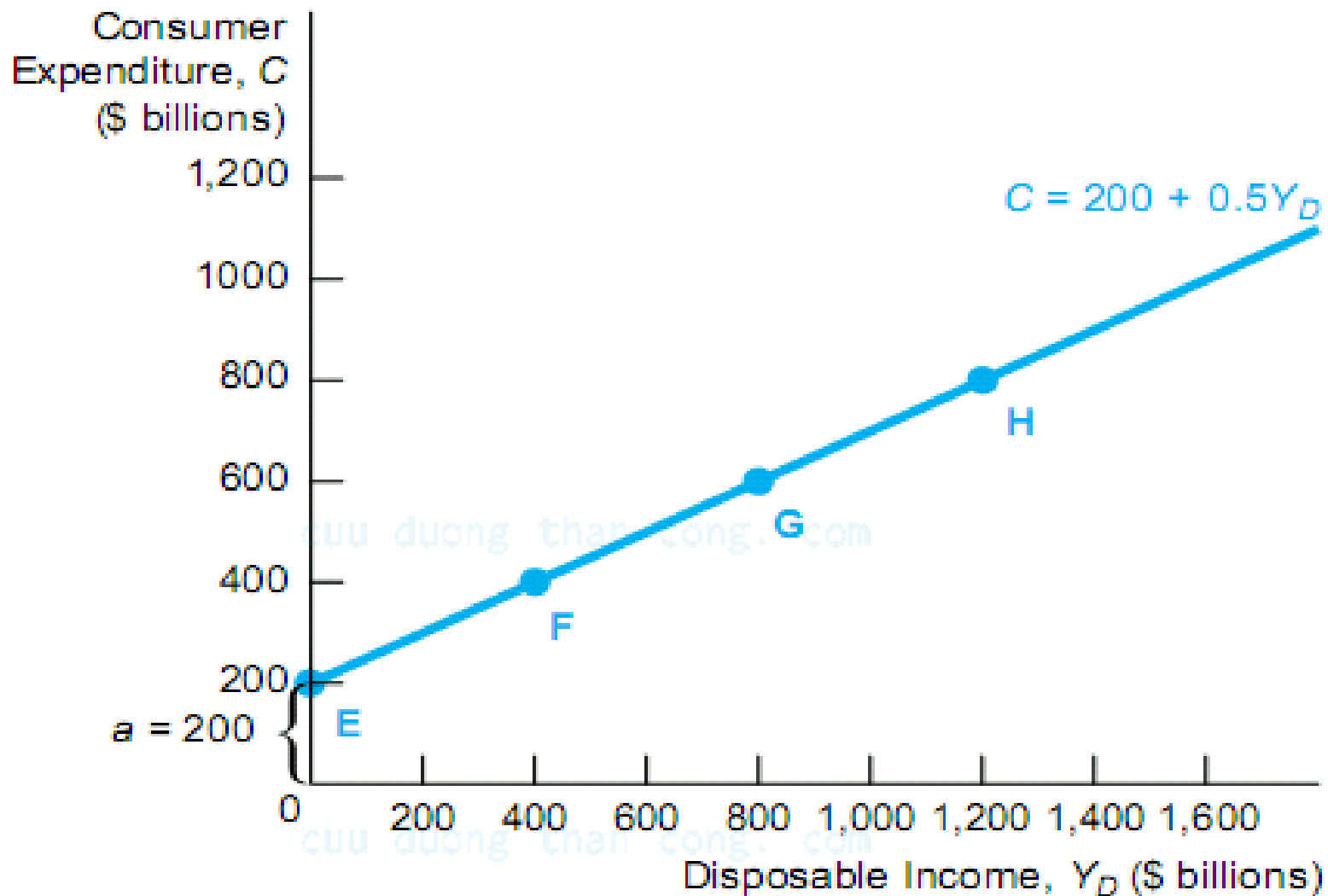
- Thu nhập là nhân tố quan trọng nhất quyết định đến chi tiêu. Thu nhập có thể chi tiêu (disposable income) ( $Y_D$ ) bằng tổng thu nhập trừ thuế ( $Y-T$ )
- Khuynh hướng tiêu dùng cận biên (mpc - marginal propensity to consume) là độ dốc của hàm tiêu dùng ( $\Delta C / \Delta Y_D$ ): là sự thay đổi cho chi tiêu khi chúng ta có thu nhập tăng thêm (ví dụ 1 USD).
- Tiêu dùng tự định ( $a$ ) là số tiền chi tiêu cho tiêu dùng mà không phụ thuộc vào thu nhập có thể chi tiêu.

$$C = a + mpc(Y_D)$$

# ĐỒ THỊ

Giả sử hàm tiêu dùng  $C$ , có  $a = 200$  và  $mpc = 0.5$ , ta có:

Các điểm trên đồ thị	$Y_D$	$\Delta Y_D$	Thay đổi tiêu dùng $0,5 \times Y_D$	$C$
E	0			200
F	400	400	200	400
G	800	400	200	600
H	1200	400	200	800



# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## CÁC NHÂN TỐ TRONG TỔNG CẦU $Y^{ad}$

$$Y^{ad} = C + I + G + NX$$

C: chi tiêu cho tiêu dùng

I: chi tiêu cho đầu tư

G: chi tiêu của Chính phủ

NX: xuất khẩu ròng

T: thuế

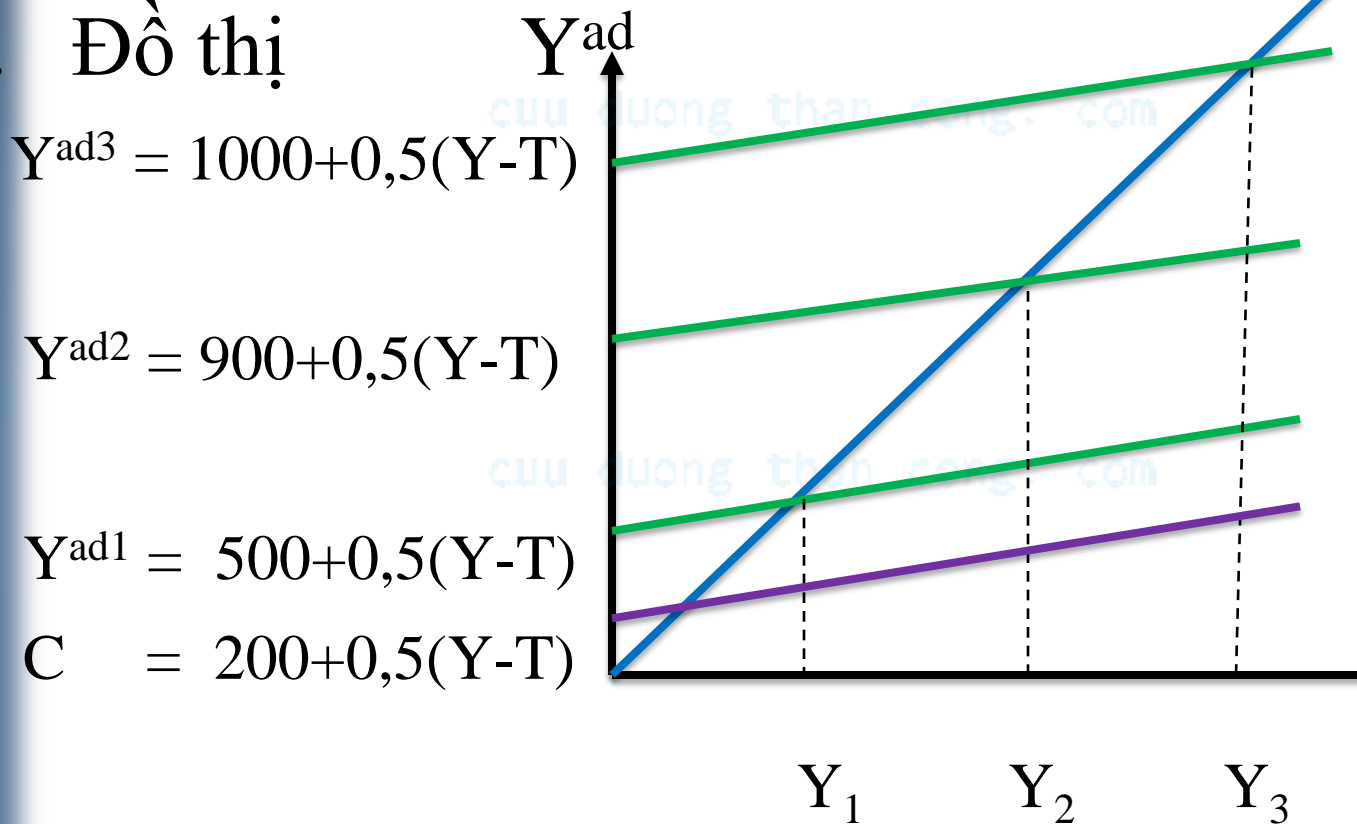
→ Tổng cung = Tổng cầu: Nền kinh tế thăng bằng



# ĐỒ HÌNH CHÉO CỦA KEYNES

1. Xác định quan hệ tổng cung (Y) & tổng cầu ( $Y^{ad}$ ) dựa vào đường  $45^0$

2. Đồ thị



# LÝ THUYẾT CẦU TIỀN & MÔ HÌNH IS-LM

## XÂY DỰNG MÔ HÌNH IS-LM

### 1. Cân bằng trên thị trường hàng hoá (Đường IS)

- Ảnh hưởng của lãi suất đến cầu đầu tư (I) & xuất khẩu ròng (NX)
- Xây dựng đường IS ► Ý nghĩa đường IS

### 2. Cân bằng trên thị trường tiền tệ - Đường LM

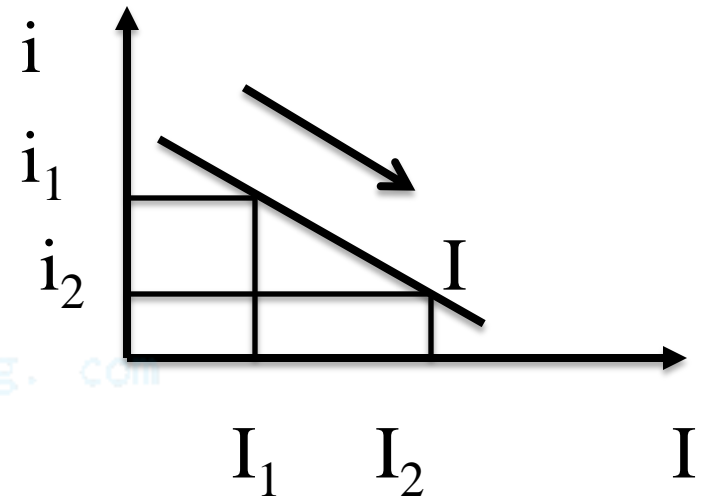
- Ảnh hưởng của tổng sản phẩm tới lãi suất
- Xây dựng đường LM ► Ý nghĩa đường LM

### 3. Mô hình ISLM

# ẢNH HƯỞNG CỦA LÃI SUẤT TỚI CẦU I & NX

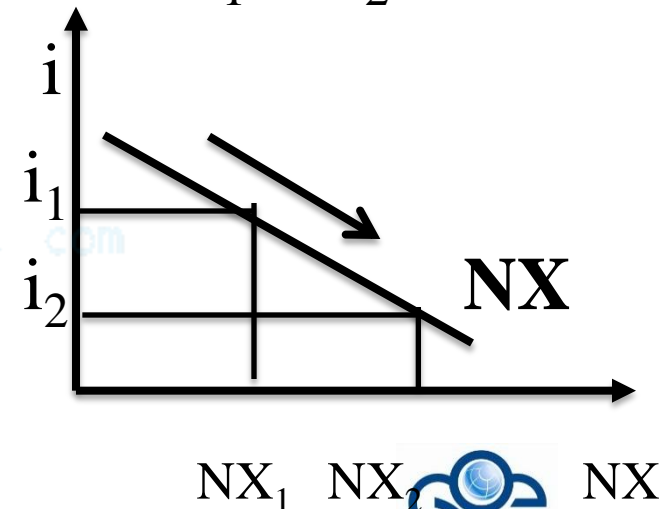
## 1. Lãi suất & cầu đầu tư (I)

- Quan hệ nghịch
- $i_1 > i_2 \iff I_1 < I_2$



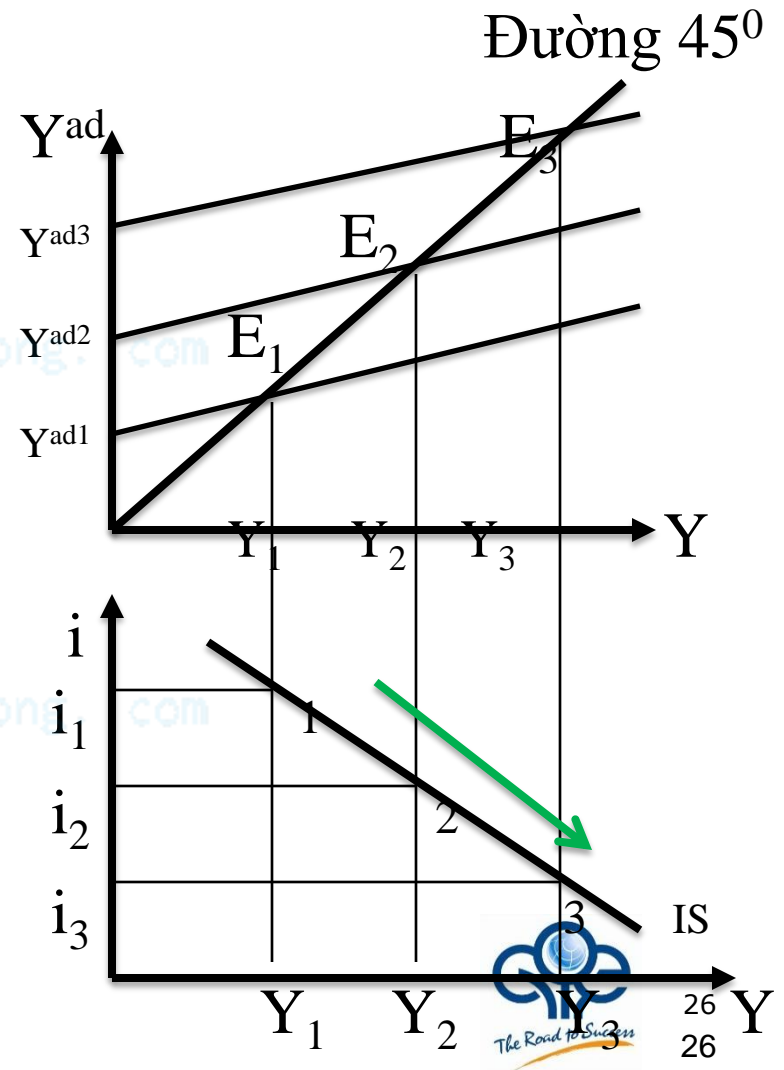
## 2. Lãi suất & cầu xuất nhập khẩu (NX)

- Quan hệ nghịch
- $i_1 > i_2 \iff NX_1 < NX_2$



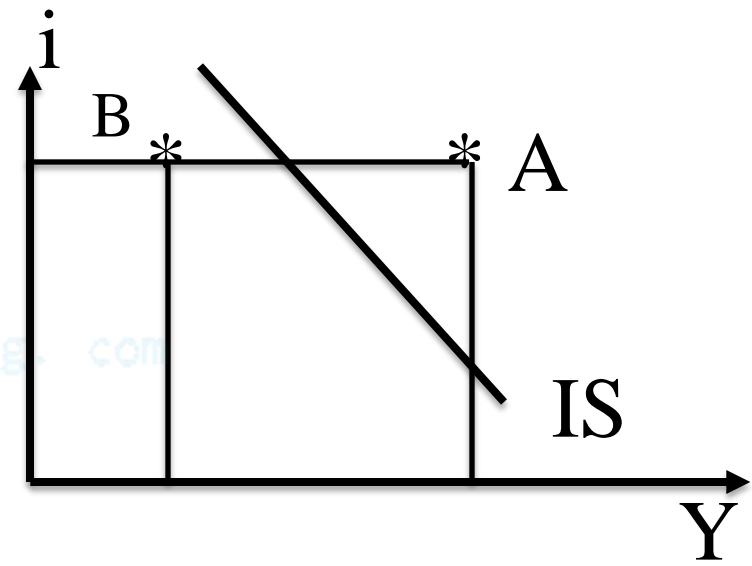
# THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA & XÂY DỰNG ĐƯỜNG IS

- $i_1 \rightarrow Y_1$
- $i_2 \rightarrow Y_2$
- $i_3 \rightarrow Y_3$
- Các điểm 1, 2 & 3 là đường IS



# XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

1. Tại A, bên phải IS  $\rightarrow$   
 $Y > Y^{ad}$ , dư cung hàng  
hoá  $\rightarrow$  hàng tồn kho tăng  
 $\rightarrow I$  giảm  $\rightarrow Y$  giảm & A  
trở về IS



2. Tại B, bên trái IS  $\rightarrow Y < Y^{ad}$ , dư cầu hàng hoá  
 $\rightarrow$  giảm hàng tồn kho  $\rightarrow I$  tăng  $\rightarrow Y$  tăng & B  
trở về IS

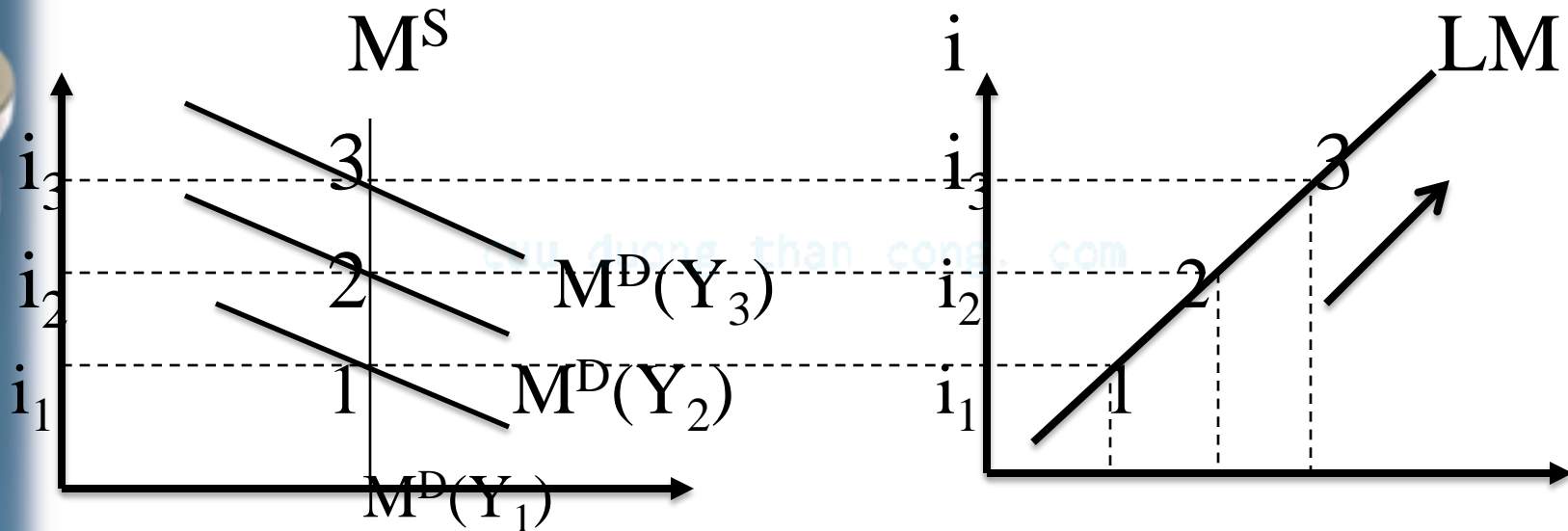


# Ý NGHĨA ĐƯỜNG IS

1. IS là tập hợp những điểm cân bằng trên thị trường hàng hóa theo đó tổng lượng hàng hoá sản xuất ra bằng tổng lượng hàng hoá được yêu cầu (tổng cung  $Y =$  tổng cầu  $Y^{ad}$ )
2. IS là đường dốc xuống, phản ánh quan hệ nghịch giữa lãi suất ( $i$ ) & sản lượng ( $Y$ )
3. IS phản ánh xu hướng vận động của thị trường hàng hóa là luôn trở về đường IS
4. Độ dốc của IS phụ thuộc vào độ nhạy cảm của cầu đầu tư và cầu tiêu dùng tự định đối với lãi suất

# THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - XÂY DỰNG ĐƯỜNG LM

Đồ thị



$M$   $Y_1$   $Y_2$   $Y_3$   $Y$

$M^S$ , độc lập  $\rightarrow M^S // i$ .  $M^D$  quan hệ nghịch  $i \rightarrow M^D$  dốc xuống đảm bảo khi  $i$  tăng  $\rightarrow M^D$  tăng. Với  $i_1 < i_2 < i_3 \rightarrow Y_1 < Y_2 < Y_3$  ứng với các mức cầu tiền  $M^{D1} < M^{D2} < M^{D3}$



# XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

1. Tại A, trái LM  $\rightarrow$

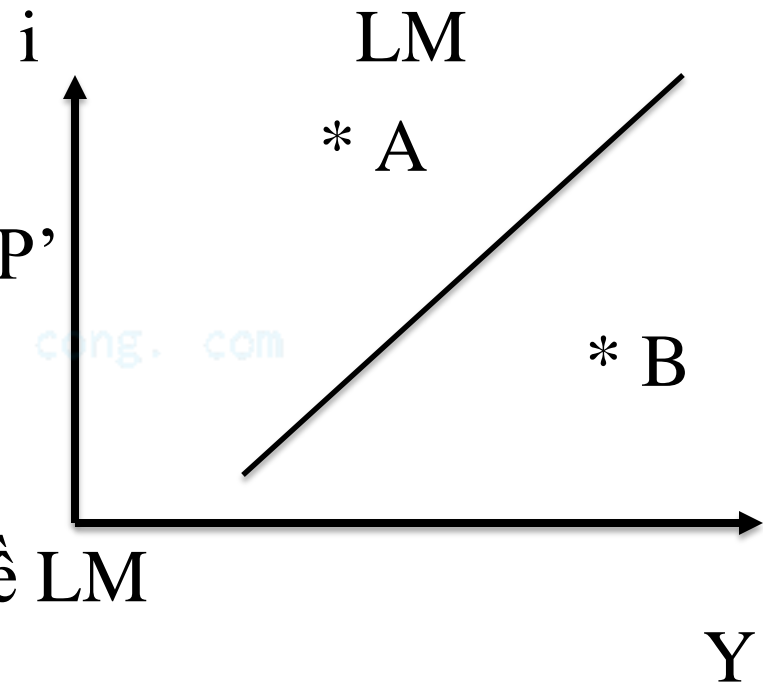
$M^S > M^D$ , dư cung

tiền  $\rightarrow$  người dân mua TP'

$\rightarrow B^D$  tăng, giá TP' tăng

$\rightarrow i$  giảm, I tăng

$\rightarrow Y$  &  $M^D$  tăng  $\rightarrow A$  trở về LM



2. Tại B, phải LM  $\rightarrow M^D > M^S$ , dư cầu tiền  $\rightarrow$  bán TP',

$B^S$  tăng, giá TP' giảm,  $i$  tăng & I giảm  $\rightarrow Y$  &  $M^D$

giảm  $\rightarrow B$  chuyển về đường LM



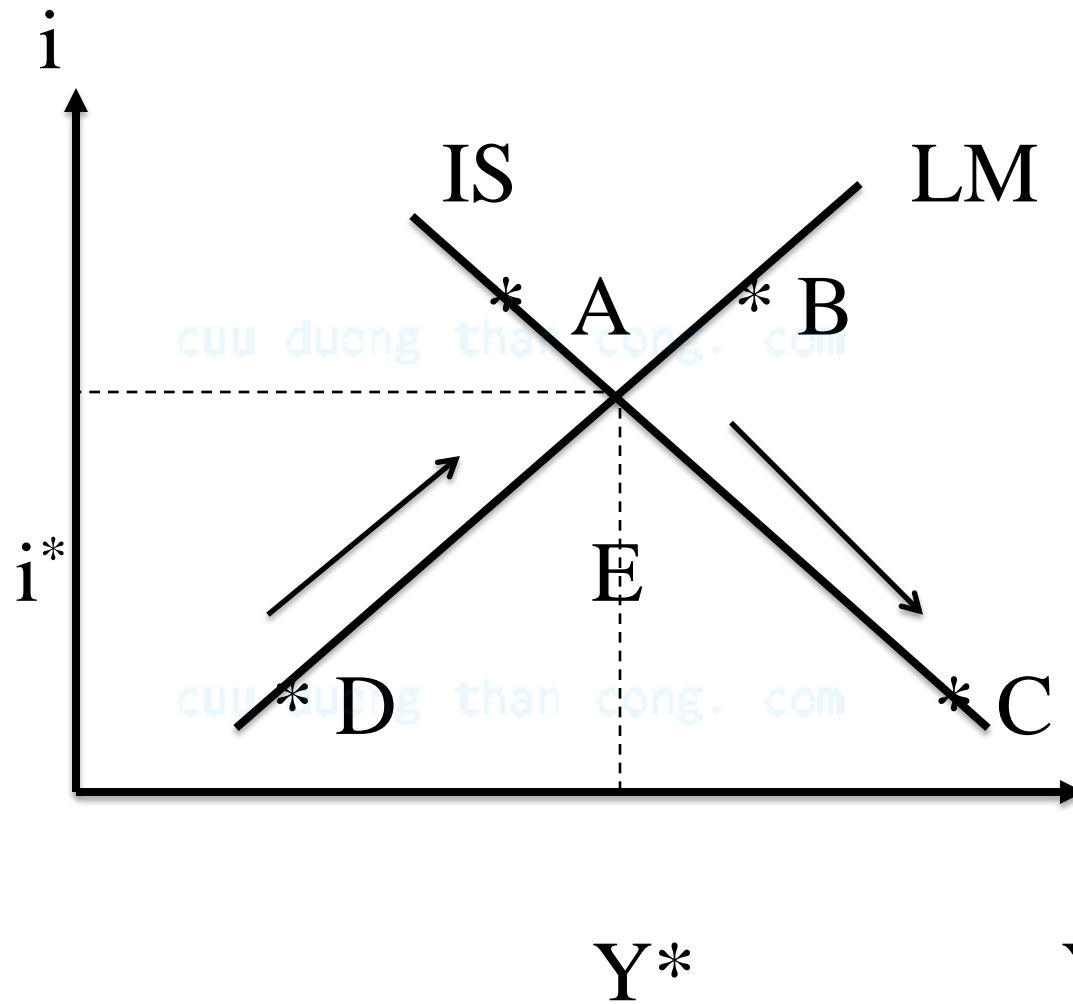
# Ý NGHĨA ĐƯỜNG LM

1. LM là tập hợp những điểm cân bằng trên thị trường tiền tệ theo đó  $M^S = M^D$  tại những mức lãi suất khác nhau
2. LM là đường dốc lên, biểu hiện quan hệ thuận giữa  $i$  &  $Y$
3. LM phản ánh xu hướng vận động của thị trường tiền tệ là luôn trở về LM
4. Độ dốc của đường LM phụ thuộc vào độ nhạy cảm của cầu tiền với lãi suất

# MÔ HÌNH ISLM

1. Là sự kết hợp của 2 đường IS & LM trong quan hệ giữa  $i$  &  $Y$
2. Tại E, khi IS cắt LM nền kinh tế đạt vị trí cân bằng, xác định  $i^*$  &  $Y^*$ . Lúc này, ta có cả cân bằng trên TT-HH ( $Y = Y^{ad}$ ) & TT-TT ( $M^S = M^D$ )
3. Xu hướng vận động của nền kinh tế là luôn trở về điểm cân bằng

# MÔ HÌNH ISLM



# XU HƯỚNG VẬN ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ

1. Tại A, trên IS & trái LM, cân bằng trên TT-HH & dư cung tiền trên TT-TT, mua TP',  $B^D$  tăng,  $P_b$  tăng &  $i$  giảm,  $I$  tăng,  $Y$  tăng, nền kinh tế vận động dọc theo IS  $\rightarrow E$
2. Tại B, trên LM & phải IS, cân bằng trên TT-TT & dư cung hàng hoá, hàng tồn kho tăng,  $I$  giảm,  $Y$  giảm,  $M^D$  giảm  $\rightarrow B$  chuyển dịch dọc theo LM trở về E
3. Tại C, tương tự A nhưng ngược lại
4. Tại D, tương tự B nhưng ngược lại